

Số: 44 /NQ-HĐND

TP.Sóc Trăng, ngày 13 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương
thành phố Sóc Trăng, năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự
toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Sóc Trăng giai đoạn ổn định
2022-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 3139/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu - chi ngân sách năm 2024
cho thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Báo cáo số 568/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân thành phố Sóc Trăng về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách Nhà
nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023 và dự toán thu ngân sách
Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024, thành phố Sóc
Trăng; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi
ngân sách địa phương của thành phố Sóc Trăng năm 2024 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố Sóc Trăng là
778.290.000.000 đồng. Trong đó: dự toán thu ngân sách thành phố được hưởng
theo phân cấp là 404.500.000.000 đồng

2. Dự toán chi ngân sách địa phương là: 710.490.000.000 đồng

(Đính kèm các phụ lục chi tiết)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với các giải pháp đã nêu
trong báo cáo, đồng thời để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2024 cần quan tâm
một số nhiệm vụ chủ yếu sau :

Về thu: Ủy ban nhân dân thành phố tập trung triển khai và giao nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc theo chỉ tiêu nghị quyết này; có giải pháp triển khai đồng bộ trong thu ngân sách; chống thất thu, trốn lậu thuế, thu tốt nợ đọng thuế; kiểm tra và lãnh đạo tốt nhiệm vụ thu, kịp thời biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ thuế, đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật Thuế.

Về chi: thực hiện tốt quy chế công khai tài chính theo quy định, Ủy ban nhân dân thành phố sớm triển khai việc phân khai dự toán chi cho các ngành, các đơn vị; tăng cường vai trò trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc sử dụng ngân sách có hiệu quả và tiết kiệm, chống lãng phí; trên cơ sở giám sát của các tổ chức chính trị, xã hội và quần chúng nhân dân; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn, bảo đảm thanh quyết toán đúng chế độ quy định.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng tổ chức triển khai Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.


Trong năm 2024, nếu có phát sinh, bổ sung dự toán cho những nhiệm vụ chi cụ thể và điều chỉnh kế hoạch, phân bổ vốn xây dựng cơ bản, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố trong kỳ họp gần nhất.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng khoá XII, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2023. /.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- TT.Thành uỷ;
- TT.HĐND, UBND TP và UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, ngành TP;
(Đảng, chính quyền, đoàn thể)
- TT.HĐND và UBND 10 phường;
- Công TTĐT UBND TP;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Kiều Linh

PHỤ LỤC I
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH
Ban hành theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND, ngày 13 / 12 /2023
của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán		Tỷ lệ % phân chia	Thành phố được hưởng theo phân cấp
		Tỉnh giao	Thành phố giao		
1	2	3	4	5	6
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	778.290.000	778.290.000		710.490.000
A	Thu trong cân đối	703.840.000	703.840.000		636.040.000
I	Thu NSNN trên địa bàn	472.300.000	472.300.000		404.500.000
1	Thu từ DNNN địa phương	2.000.000	2.000.000		0
1.1	Thuế GTGT	1.000.000	1.000.000	0%	0
1.2	Thuế TNDN	1.000.000	1.000.000	0%	0
2	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	175.000.000	175.000.000		174.000.000
2.1	Thuế GTGT	140.000.000	175.000.000	100%	140.000.000
2.2	Thuế TNDN	34.000.000		34.000.000	
2.3	Thuế tiêu thụ đặc biệt	500.000		0%	0
2.4	Thuế tài nguyên	500.000		0%	0
3	Lệ phí trước bạ	59.000.000	59.000.000	100%	59.000.000
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.500.000	4.500.000	100%	4.500.000
5	Thu phí và lệ phí	11.800.000	6.403.000		7.000.000
6	Lệ phí môn bài		5.397.000		
7	Thu tiền sử dụng đất	150.000.000	150.000.000	60%	90.000.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000	65.000.000	100%	65.000.000
9	Thu khác NSNN	5.000.000	5.000.000	100%	5.000.000
II	Thu bổ sung cân đối	231.540.000	231.540.000		231.540.000
B	Thu không cân đối	74.450.000	74.450.000		74.450.000
I	Thu trợ cấp có mục tiêu ngân sách tỉnh	74.450.000	74.450.000		74.450.000

PHỤ LỤC II

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH**

Ban hành theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND, ngày 13/12/2023

của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

ST T	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Dự toán	
			Tỉnh giao	Thành phố giao
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH		710.490.000	710.490.000
A	Tổng chi cân đối ngân sách		636.040.000	636.040.000
I	Chi đầu tư phát triển		124.570.000	124.570.000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản		34.570.000	34.570.000
2	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất		90.000.000	90.000.000
II	Chi thường xuyên		498.999.000	452.586.981
1	Chi quốc phòng		2.479.000	4.716.000
2	Chi an ninh		413.000	1.383.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục		224.117.000	221.710.000
4	Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề		7.267.000	6.972.000
5	Chi sự nghiệp y tế		2.065.000	2.065.000
6	Chi sự nghiệp văn hóa-thông tin		2.021.000	1.843.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh -truyền hình		1.620.000	1.642.000
8	Chi sự nghiệp thể dục-thể thao		1.619.000	1.435.000
9	Chi lương hưu và đảm bảo xã hội		34.350.000	33.578.540
10	Chi sự nghiệp kinh tế		70.803.000	59.854.415
11	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		48.442.000	46.000.000
12	Chi quản lý hành chính nhà nước, Đảng, đoàn thể		45.335.000	50.565.176
12.1	<i>Chi quản lý hành chính nhà nước (gồm Kinh phí hoạt động HĐND)</i>		<i>20.082.000</i>	<i>26.149.981</i>
12.2	<i>Chi khối Đảng</i>		<i>11.226.000</i>	<i>15.097.800</i>
12.3	<i>Chi đoàn thể, tổ chức chính trị- xã hội</i>		<i>6.010.000</i>	<i>7.081.180</i>
12.4	<i>Các khoản chi không khoán và mua sắm tài sản</i>		<i>7.817.000</i>	<i>2.036.215</i>
12.5	<i>Chi ứng dụng CNTT</i>		<i>200.000</i>	<i>200.000</i>

ST T	Chỉ tiêu	Mã nhiệm vụ chi NSNN	Dự toán	
			Tỉnh giao	Thành phố giao
13	Chi khác ngân sách		2.000.000	600.000
14	Chi ngân sách phường		56.468.000	20.222.850
III	Dự phòng		12.471.000	12.471.000
IV	Chi cải cách tiền lương			9.947.000
V	Các khoản chi còn lại			
VI	Bổ sung cho ngân sách cấp dưới		0	36.465.019
1	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách phường		0	971.460
-	<i>Kp tặng quà cho người cao tuổi 10 phường</i>			771.460
-	<i>KP hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng phường</i>			200.000
2	Bổ sung cân đối cho ngân sách cấp phường			35.493.559
B	Chi từ các khoản không cân đối ngân sách		74.450.000	74.450.000
I	Chi từ nguồn trợ cấp có mục tiêu ngân sách tỉnh (theo kế hoạch vốn trung hạn 2021 - 2025)		74.450.000	74.450.000

PHỤ LỤC III
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG QUYẾT ĐỊNH

Ban hành theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND, ngày 13/12/2023

của Hội đồng nhân dân thành phố Sóc Trăng)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán				
		Tổng số	Trong đó			
			Chi cân đối ngân sách	Chi trợ cấp cân đối	Chi trợ cấp có mục tiêu	Chi dự phòng NS
1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7
	TỔNG CỘNG	58.843.869	21.476.249	35.493.559	971.460	902.601
1	Phường 1	4.833.696	758.910	3.921.706	78.790	74.290
2	Phường 2	6.676.447	3.292.560	3.110.047	175.350	98.490
3	Phường 3	7.038.972	3.546.470	3.239.702	144.820	107.980
4	Phường 4	5.779.731	3.411.769	2.193.381	83.000	91.581
5	Phường 5	5.846.499	630.190	5.024.719	99.780	91.810
6	Phường 6	5.840.397	2.304.000	3.350.537	92.960	92.900
7	Phường 7	5.797.017	2.443.510	3.201.847	63.170	88.490
8	Phường 8	6.301.300	2.112.550	3.971.230	121.070	96.450
9	Phường 9	5.766.356	2.562.430	3.052.396	69.060	82.470
10	Phường 10	4.963.454	413.860	4.427.994	43.460	78.140